

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.
2. Ông Tạ Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Lệ M, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 12 Phường Mai, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoài B, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Lệ M trình bày: Chị và anh Lê Hoài B quen biết tìm hiểu một thời gian rồi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh B cờ bạc, nhậu nhẹt, thường hăm dọa đánh vợ con. Chị đã báo với gia đình chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hoài B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa anh Lê Hoài B vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 08 tháng 7 năm 2022, anh B trình bày: Anh thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung như chị M trình bày. Anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phùng Thị Lệ M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Lê Hoài B là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, chị Phùng Thị Lệ M và anh Lê Hoài B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh B.

[3] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Lệ M và anh Lê Hoài B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị M, anh B là hôn nhân hợp pháp. Chị M yêu cầu ly hôn. Anh B không đến Tòa nhưng tại bản tự khai anh B đồng ý ly hôn. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị M được ly hôn anh B.

[4] Về quan hệ con chung: Chị M, anh B có 01 con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017. Hiện cháu U đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con. Xét thấy quá trình sống ly thân, chị M vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu U được phát triển bình thường và anh B đồng ý giao con cho chị M tiếp tục chăm sóc. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu U cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng và anh B đồng ý nên áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh B cấp dưỡng nuôi con hàng

tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị M, anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phùng Thị Lệ M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Lê Hoài B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Phùng Thị Lệ M được ly hôn anh Lê Hoài B.

2. Giao con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2017 cho chị Phùng Thị Lệ M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu U đang sống cùng với chị M.

Buộc anh Lê Hoài B cấp dưỡng nuôi cháu U hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chị Phùng Thị Lệ M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006252 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Anh Lê Hoài B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND TT. T (Số 01/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên